

Số: ~~4.6~~./2021/GE/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế
Công bố thông tin của Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Căn cứ Thông tư số 96/2020//TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 16/11/2020 hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (Sau đây viết tắt là Thông tư 96);

Căn cứ Quy chế sử dụng hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 450/QĐ-UBCK ngày 14/07/2021 của Chủ tịch UBCKNN;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex (Công ty);

Căn cứ Hệ thống phân cấp thẩm quyền phán quyết của Công ty được ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/2020/GE/NQ-HĐQT ngày 08/06/2020 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ đề xuất của Trưởng Ban Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:



Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về Công bố thông tin của Công ty cổ phần thiết bị điện Gelex”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Phó Tổng Giám đốc, Trưởng các ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty cổ phần thiết bị điện Gelex, Người đại diện của Công ty cổ phần thiết bị điện Gelex tại các Công ty, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT (để b/c);
- Lưu: VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Nguyễn Trọng Trung

QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX
(Kèm theo Quyết định số 4.0./2021/GE/QĐ-TGD ngày 29/12/2021)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế CBTT này (sau đây viết tắt là “**Quy chế**”) quy định việc tổ chức và thực hiện CBTT tại Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex

2. Quy chế này được áp dụng đối với:

- Công ty cổ phần Thiết bị điện Gelex (Công ty);

Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên); thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền CBTT (Sau đây gọi chung là “**Người nội bộ**”) và người có liên quan của Người nội bộ”;

- Người có liên quan: có nghĩa là tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

- Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

- Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

- Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của công ty.

Điều 2. Mục đích của việc CBTT

Việc CBTT theo quy định của Quy chế này nhằm công khai các hoạt động kinh doanh của Công ty, giúp các nhà đầu tư, khách hàng nắm được thực trạng hoạt động của Công ty để có cơ sở đánh giá, xem xét đặt các quan hệ kinh tế, giao dịch với Công ty; đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Đồng thời, tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được áp dụng với Công ty và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định tại:

- Luật Chứng khoán;

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/01/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Quy chế công bố thông tin của Sở GDCK;

- Các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến công bố thông tin có hiệu lực từng thời điểm.

Điều 3. Chữ viết tắt trong Quy chế

- CBTT: CBTT.

- SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán.

- HĐQT: Hội đồng quản trị.

- TCTLKCL: Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

- UBCKNN: Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin

- Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.
- Việc CBTT bằng tiếng nước ngoài không bắt buộc nhưng có thể khuyến khích áp dụng.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT (sau đây gọi chung là Người CBTT) chịu trách nhiệm CBTT theo quy định.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả Người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT.

b) Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT theo quy định tại Thông tư 96.

2. Người CBTT/người được ủy quyền CBTT thực hiện CBTT theo các nội dung quy định tại Quy chế này và Thông tư 96/2020/TT-BTC. Trường hợp người CBTT/người được ủy quyền CBTT công bố các thông tin không được quy định tại Quy chế này và Thông tư 96/2020/TT-BTC thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và trước Pháp luật.

Điều 7. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc CBTT được thực hiện qua các phương tiện CBTT sau:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của công ty.
- b) Hệ thống CBTT của UBCKNN.

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK.

d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Cung cấp thông tin cho các phương tiện thông tin đại chúng: các thông tin được cung cấp cho các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức như: trả lời phỏng vấn, bài viết, thông tin bằng các hình thức khác...liên quan đến nội dung CBTT của Công ty phải là thông tin đã được cấp có thẩm quyền của Công ty phê duyệt.

3. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và dữ liệu điện tử theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên phương tiện quy định trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

Điều 8. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

a) CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I - Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

b) CBTT bất thường quy định tại Mục II - Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

c) CBTT theo yêu cầu quy định tại Mục III - Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

d) CBTT về các hoạt động khác của công ty quy định tại Mục IV - Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

2. Chế độ báo cáo, CBTT của các đối tượng khác

a) Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty theo quy định tại Mục I - Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

b) Công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Mục II - Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

c) Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chào mua công khai theo quy định tại Mục III - Phụ lục II đính kèm Quy chế này.

Điều 9. Quy trình công bố thông tin

1. Bước 1. Cung cấp thông tin

- Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan thuộc Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người CBTT hoặc bộ phận phụ trách việc CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần công bố;

- Các bộ phận, cá nhân liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Bước 2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp, Người CBTT hoặc bộ phận phụ trách việc CBTT thực hiện theo trình tự:

- Kiểm tra thông tin.
- Đối chiếu với các quy định về CBTT.
- Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật

3. Bước 3. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt

- Người CBTT hoặc bộ phận phụ trách việc CBTT trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt nội dung CBTT.

- Sau khi nội dung CBTT được phê duyệt, Người CBTT thực hiện công bố theo quy định.

4. Bước 4. Báo cáo và CBTT

- Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố), đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật.

- Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

5. Bước 5. Bảo quản lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

Điều 10. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác theo quy định của pháp luật.).

2. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT, đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

3. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của Người công bố thông tin

1. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm, khẩn cấp.

Điều 12. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan

1. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này.

2. Trưởng các Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.

3. Việc CBTT liên quan đến HĐQT/Ban Điều hành thì Thư ký HĐQT/Ban Điều hành chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho Người CBTT.

Điều 13. Hiệu lực, sửa đổi và bổ sung Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có những điều khoản chưa được quy định hoặc không còn hiệu lực thì Công ty sẽ thực hiện việc CBTT trên cơ sở quy định của Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan của pháp luật. Nếu có mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

3. Mọi sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc Công ty xem xét, quyết định.

4. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công ty không được quy định trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật liên quan.

PHỤ LỤC I
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY

I. Báo cáo, công bố thông tin định kỳ

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. - Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, trong trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng. 	
3	Báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý; - Công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. - Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. 	Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.
<p><i>Lưu ý: Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại mục 1, 2, 3, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so</i></p>				

	<p>với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</p> <p>Trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện nêu trên trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.</p>		
4	Báo cáo thường niên	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
5	Họp ĐHĐCĐ thường niên		
	CBTT về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn
	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.

II. Công bố thông tin bất thường (phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)).

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 24 giờ	
2	Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		

	biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;		Trong thời hạn 24 giờ	
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
5	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
6	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		

	điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;		Trong thời hạn 24 giờ	
7	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
8	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
9	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ,	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 24 giờ	

	người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng;			
10	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
11	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu tại Thông tư 96 này;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
12	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
13	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		

Trong thời hạn 24 giờ

	trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;			
14	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
15	Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
16	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
17	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
18	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
19	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
20	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 24 giờ	

	chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);			
21	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty		
22	Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường			
	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu họp	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn	
	CBTT Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ	
23	Thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản			
	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến	
	CBTT Biên bản kiểm phiếu + Nghị quyết ĐHĐCĐ	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ	
24	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu			
	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện	UBCKNN, Sở GDCK, Website	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến	

	quyền cho cổ đông hiện hữu Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	công ty UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, công ty đại chúng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn CBTT BCTC năm/bán niên/quý như quy định tại Mục I.1, I.2, I.3 nêu trên.	
26	Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác: Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	

III. Công bố thông tin theo yêu cầu

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng	UBCKNN, Sở	Trong thời hạn 24 giờ	Nội dung thông tin

	đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;	GDCK, Website công ty		công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Trong thời hạn 24 giờ	

IV. Công bố thông tin về các hoạt động khác

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	UBCKNN, Sở GDCK, VSD, Website công ty	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.	
3	Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	UBCKNN, Sở GDCK, Website công ty	Thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	

PHỤ LỤC II
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

I. Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo khi trở thành cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	UBCKNN, Sở GDCK, Công ty	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo khi không còn là cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.	UBCKNN, Sở GDCK, Công ty		
3	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty CBTT và báo cáo khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	UBCKNN, Sở GDCK, Công ty	Thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi	
4	Công ty phải CBTT về các trường hợp nêu tại Mục 1,2,3 nêu trên	Website Công ty	Thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	

II. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú

1	<p>Người nội bộ của công ty và người có liên quan của Người nội bộ (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)</p>	UBCKNN, Sở GDCK, Công ty	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch.</p>	Theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 96
2	<p>Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không</p>	UBCKNN, Sở GDCK, Công ty	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch,</p>	Theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư 96

	thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)			
3	Công ty phải CBTT về các trường hợp nêu tại Mục 1,2 nêu trên	Website Công ty	Thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	

III. Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chào mua công khai

STT	Nội dung báo cáo, công bố thông tin	Nơi đăng tải thông tin công bố	Thời hạn	Ghi chú
1	Công ty CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai.	Website Công ty	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	
2	Hội đồng quản trị công ty phải công bố thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức, cá nhân chào mua công khai; đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.	Website Công ty	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai	
<i>Lưu ý: Tổ chức, cá nhân chào mua công khai phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào mua công khai.</i>				